

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 114/TTr-SNN ngày 24/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 Danh mục và phê duyệt 03 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định bãi bỏ 02 Danh mục thủ tục hành chính và 02 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

1. Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ thực vật và Bảo vệ thực vật (*Số thứ tự 02, 03, Mục II, Phần A*) ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ 02 Quy trình (*Số thứ tự 01, 02, Mục I, Phần C*) ban hành kèm theo Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tù(30b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý phân bón; - Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng kinh phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	07 ngày làm việc đối với TH cấp lại do thay đổi địa chỉ buôn bán (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân) 02 ngày làm việc đối với TH cấp lại do bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên GCN (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng.	200.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ Quy định về quản lý phân bón; - Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng kinh phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

1. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

+ Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (*trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này*).

- **Quy định về các loại thành phần hồ sơ:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính.

- **Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật:** 13 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân*)

- **Thời hạn thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian:** 07 ngày (*(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)*)

- **Thời gian đã cắt giảm:** 06 ngày (*giảm 46%*)

- **Quy trình:**

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng Trồng trọt tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên phòng Trồng trọt	Dự thảo văn bản (<i>Xây dựng Kế hoạch kiểm tra thực tế</i>)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Xét duyệt Kế hoạch	¼ ngày
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Phê duyệt Kế hoạch	¼ ngày
B5	Kiểm tra cơ sở; Xây dựng dự thảo và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên phòng Trồng trọt	Kiểm tra thực tế; Xây dựng dự thảo	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Xét duyệt kết quả	¼ ngày
B6	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến trình phê duyệt	¼ ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Trồng trọt	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	¼ ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	0 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			07 ngày

2. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

2.1 Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón:

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** 01 bộ

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

+ Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (*trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này*).

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp.

- **Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật:** 13 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân*)

- **Thời hạn thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian:** 07 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân*)

- **Thời gian đã cắt giảm:** 06 ngày (*giảm 46%*)

- **Quy trình:**

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng Trồng trọt tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Ý kiến phân công	¼ ngày

		Chuyên viên phòng Trồng trọt	Dự thảo văn bản (<i>Xây dựng Kế hoạch kiểm tra thực tế</i>)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Xét duyệt Kế hoạch	¼ ngày
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Phê duyệt Kế hoạch	¼ ngày
B5	Kiểm tra cơ sở; Xây dựng dự thảo và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên phòng Trồng trọt	Kiểm tra thực tế; Xây dựng dự thảo	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Xét duyệt kết quả	¼ ngày
B6	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến trình phê duyệt	¼ ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Trồng trọt	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	¼ ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	0 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			07 ngày

2.2 Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận

a) Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (*trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng*)

b) Trường hợp thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (*trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng*)

- **Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật:** 05 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*)

- **Thời hạn thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian:** 03 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*)

- **Thời gian đã cắt giảm:** 02 ngày (*giảm 40%*)

- **Quy trình:**

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng Trồng trọt tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên phòng Trồng trọt	Dự thảo văn bản	01 ngày

		Lãnh đạo phòng Trồng trọt	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ	Chuyên viên phòng Trồng trọt	Quyết định cấp GCN	¼ ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	0 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			03 ngày